

Chương trình 68: GÓP PHẦN ĐƯA HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ TỚI MỌI MIỀN TỔ QUỐC

NGUYỄN THANH BÌNH

Cục Sở hữu trí tuệ

Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) giai đoạn 2011-2015 (Chương trình 68) được thực hiện với hai mục tiêu chính là tiếp tục nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển TSTT; góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam. Qua 4 năm thực hiện, Chương trình đã thu hút được sự quan tâm, tham gia tích cực của các cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp..., góp phần đưa hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) tới mọi miền Tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển TSTT, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm..., góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Chương trình 68 giai đoạn 2011-2015 được thực hiện theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 6.12.2010 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được của Chương trình trong giai đoạn 2005-2010 và bổ sung một số nội dung cho phù hợp với định hướng, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011-2015. Theo đó, trong giai đoạn này Chương trình tập trung thực hiện các nội dung: tuyên truyền, đào tạo về SHTT; hỗ trợ quản lý hoạt động SHTT; thành lập và đưa vào hoạt động các tổ chức hỗ trợ phát triển TSTT; hỗ trợ xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển TSTT của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở trong và ngoài nước; hỗ trợ xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý, kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao giá trị TSTT; hỗ trợ khai thác thông tin KH&CN và SHTT phục

vụ nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh; hỗ trợ áp dụng các sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam phục vụ nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh; hỗ trợ triển khai các chương trình, hoạt động bảo vệ quyền SHTT, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng SHTT; hỗ trợ hợp tác quốc tế về SHTT.

Tính đến hết năm 2014, đã có 213 dự án được hỗ trợ trên tổng số 326 dự án được phê duyệt để tuyển chọn cho triển khai, trong đó có 110 dự án xác lập, quản lý và phát triển TSTT đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương; 81 dự án đào tạo, phổ biến kiến thức về KH&CN và SHTT; 11 dự án áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học; 7 dự án xây dựng và vận hành “Tổ chức SHTT trong các trường đại học, viện nghiên cứu” và 4 dự án khai thác thông tin và tăng cường thực thi quyền SHTT. Trong tổng số 213 dự án được thực hiện, có 66

dự án do các Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN chủ trì, 30 dự án do các Sở KH&CN, 28 dự án do doanh nghiệp, 17 dự án do Đài truyền hình địa phương, 11 dự án do UBND cấp huyện, 10 dự án do các hội, hiệp hội, 8 dự án do các viện nghiên cứu... Thông qua Chương trình, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã hỗ trợ đăng ký bảo hộ 60 sáng chế cho 60 giải pháp kỹ thuật của người Việt Nam.

Có thể thấy, so với giai đoạn 2005-2010 (trên 80% cơ quan chủ trì dự án là các Sở KH&CN), trong giai đoạn này, các đơn vị chủ trì thực hiện dự án đến từ nhiều cơ quan, lĩnh vực khác nhau. Điều này cho thấy, Chương trình đã có sự lan tỏa mạnh tới nhiều ngành nghề, lĩnh vực của xã hội, các địa phương; công tác tổ chức triển khai Chương trình bảo đảm sự cân đối, đa dạng, đồng đều theo các nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Qua 4 năm thực hiện, Chương

trình đã thu hút được sự quan tâm, tham gia tích cực của các cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng..., góp phần thực hiện hành công các mục tiêu đề ra. Theo báo cáo và đánh giá của các bộ/ngành và địa phương phối hợp tổ chức triển khai Chương trình, kết quả triển khai của Chương trình 68 đã góp phần đưa hoạt động SHTT tới mọi miền Tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển TSTT; nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội; thúc đẩy hoạt động sáng tạo KH&CN và SHTT; đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế vào thực tiễn đời sống, phục vụ lợi ích dân sinh. Cụ thể:

Về mục tiêu nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển TSTT

Chương trình đã có tác động rất lớn trong việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về SHTT. Các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT được triển khai, duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về SHTT. Tính đến hết năm 2014, Chương trình đã hỗ trợ cho triển khai gần 80 lượt dự án tuyên truyền về SHTT trên Đài truyền hình trung ương và địa phương, với gần 2.500 số phát sóng nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên Đài truyền hình các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là một kênh truyền tải và phương thức tuyên truyền rất hữu hiệu, đưa SHTT đến mọi miền của Tổ quốc, mọi đối tượng, ngành nghề.

Có thể kể đến một số dự án tiêu biểu như:

Dự án Chương trình “Sáng tạo Việt” được phát sóng trên kênh VTV3 của Đài truyền hình Việt Nam từ ngày 15.1.2012 đến nay. Sau hơn 3 năm phát sóng, dự án được coi là sự đột phá về công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KH&CN và SHTT. “Sáng tạo Việt” đã chuyển tải hàng trăm tình huống về việc ứng dụng, bảo vệ quyền SHTT, giới thiệu hàng trăm sáng chế/giải pháp hữu ích tiêu biểu có giá trị ứng dụng, thương mại hóa cao, thu hút các đội chơi là những nhà sáng tạo trẻ ưu tú, sinh viên, giảng viên trẻ, và hơn 100 chuyên gia đến từ các bộ/ngành, viện nghiên cứu, trường đại học và các nhà doanh nghiệp; Dự án “Nữ trí thức với hoạt động sáng tạo” là một Chương trình tọa đàm truyền hình, phát trên sóng VTC đã tập hợp và tôn vinh được hầu hết các nữ trí thức tiêu biểu của Việt Nam, góp phần thực hiện chính sách bình đẳng giới trong hoạt động KH&CN và tạo động lực cho các nhà trí thức nữ tiếp tục các sáng tạo hữu ích cho xã hội.

Theo ông Trần Anh Khiêm - Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH Công nghệ thiết bị y tế Bắc Việt, Chương trình 68 đã giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức trong việc bảo hộ quyền SHTT, từ đó chủ động xây dựng, khai thác phát triển và bảo vệ TSTT của mình. Ngoài ra, thông qua việc xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển TSTT, doanh nghiệp đã định hình được việc sử dụng công cụ SHTT để nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Về mục tiêu nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ

Bảo hộ, quản lý và phát triển

TSTT cho các sản phẩm đặc thù mang địa danh là một trong những đối tượng được ưu tiên hỗ trợ của Chương trình. Qua 4 năm thực hiện, đã có 110 dự án thuộc nhóm này được hỗ trợ thực hiện (chiếm 51,6% tổng số dự án được phê duyệt). Các dự án về bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT đã giúp nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Các sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT khi đưa ra thị trường đã được kiểm tra, quản lý chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về mẫu mã, tem nhãn theo quy định. Có thể kể đến một số sản phẩm tiêu biểu như:

Sản phẩm gạo nếp cái hoa vàng Kinh Môn (Hải Dương) sau khi được bảo hộ, 1 kg gạo đóng bao bì nhãn hiệu tập thể được bán với giá 27.000 đồng, trong khi đó gạo cùng loại không được đóng bao bì mang nhãn hiệu tập thể chỉ bán được với giá 22.000 đồng/kg.



Sản phẩm nếp cái hoa vàng Kinh Môn
Hải Dương

Sản phẩm nước mắm Phú Quốc đã được quản lý chặt chẽ hơn để bảo đảm chất lượng đặc thù, vì sản phẩm hiện nay chỉ được sản xuất và đóng chai tại huyện đảo Phú Quốc (chấm dứt tình trạng đưa sản phẩm về TP Hồ Chí Minh đóng chai).

Với sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột, Công ty TNHH một thành

viên 2/9 Đắc Lắc đã và đang cố gắng thoả thuận với tất cả các nhà rang xay cà phê lớn của thế giới để gắn logo chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột nổi tiếng của Việt Nam vào bao bì cà phê xuất khẩu.

Sản phẩm cam Vinh đã tăng lên hơn 50% giá trị sau khi chỉ dẫn địa lý được đăng bạ và quản lý. Giá bán các sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý cao hơn từ 1,7 đến 2 lần so với sản phẩm cùng loại không có bao bì.



Sản phẩm cam Vinh

Sản phẩm chè Tân Cương có bao bì mang chỉ dẫn địa lý có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần sản phẩm cùng loại không có bao bì mang chỉ dẫn địa lý. Đặc biệt, hệ thống tem nhãn mang chỉ dẫn địa lý đã được Công ty Chè Hoàng Bình (một Công ty chè lớn của tỉnh Thái Nguyên) sử dụng rất hiệu quả.

Sản phẩm quả su su Sa Pa sau khi được bảo hộ đã được các bạn hàng từ Trung Quốc yêu cầu đóng bao bì và gắn logo nhãn hiệu tập thể trước khi xuất khẩu, đây là tín hiệu rất tích cực vì từ trước đến nay, khách hàng Trung Quốc hầu như chỉ nhập khẩu sản phẩm thô, không cần nhãn mác...

Nói về hiệu quả của Chương trình 68 trong việc bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT đối với sản phẩm đặc thù của địa phương, ông Nguyễn Văn Xuất, Phó Giám đốc Sở KH&CN Bắc Giang cho biết: Chương trình 68 đã tạo được sự đồng thuận và quan tâm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng quy mô sản xuất của địa phương; tạo cơ hội huy động nguồn lực trong sản xuất. Cụ thể với tỉnh Bắc Giang, nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế sau khi được bảo hộ đã được cung cấp gà cho thành phố Hà Nội (dịp tết nguyên đán năm 2012, Bắc Giang đã cung cấp cho Hà Nội trên 3 triệu con gà)...

Bên cạnh đó, các sản phẩm được đăng ký bảo hộ đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Chẳng hạn, vải thiều Lục Ngạn từ khi được đăng ký bảo hộ có giá bán cao hơn so với sản phẩm cùng loại không được bảo hộ 50-100%. Đặc biệt, vải thiều đã được bảo hộ và sản xuất theo hướng VietGap lại có giá bán cao hơn đối với vải thiều chỉ đăng ký bảo hộ 23-28%. Như vậy, vải thiều đã bảo hộ và sản xuất theo hướng VietGap có giá trị kinh tế cao hơn so với vải thiều không được bảo hộ 73-128%. Điều này đã giúp tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho hàng vạn hộ nông dân...

Còn theo TS Nguyễn Minh Đức - Phó Giám đốc Sở KH&CN Sơn La, các sản phẩm được bảo hộ trong thời gian qua đạt được những hiệu quả kinh tế, xã hội nhất định: tăng giá bán, tăng thị phần trên các thị trường truyền thống, đảm bảo uy tín và sự nhận biết của người tiêu dùng đối với các sản phẩm được bảo hộ. Quả

xoài tròn Yên Châu từ khi được công nhận sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý năm 2011 giá bán đã tăng gấp 2,7 lần so với năm 2008. Đối với chè Shan tuyết Mộc Châu, giá chè thành phẩm năm 2012 cao gấp 1,5 lần so với năm 2010. Đặc biệt, chè sau khi được bảo hộ đã mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước như Afghanistan, Pakistan với giá khoảng 2,5-2,6 USD/kg (năm 2012), trong khi đó các sản phẩm chè của các địa phương khác chỉ xuất được với giá 1,5-2 USD/kg.

Ngoài ra, các dự án thuộc Chương trình 68 được hỗ trợ triển khai trong giai đoạn này còn góp phần huy động sự tham gia của đông đảo các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp. Thông qua các dự án của Chương trình đã có gần 50 tổ chức được thành lập dưới hình thức hội/hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Đây được coi là sự tập hợp sức mạnh, huy động nguồn lực của xã hội để cùng phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc thực hiện chính sách cánh đồng mẫu lớn, phát triển nông thôn mới của Đảng và Chính phủ...; đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế vào thực tiễn đời sống, phục vụ lợi ích dân sinh. Qua 4 năm thực hiện đã có 11 dự án áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học được phê duyệt cho triển khai, góp phần vào việc thực hiện các chủ trương của Bộ KH&CN về tăng cường các giải pháp áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống xã hội... ✍